|  |  |
| --- | --- |
| *Ngày soạn:..................* |  |
| *Ngày dạy:...................* |

**Tiết 30 *:* PHƯƠNG TRÌNH BẬC NHẤT HAI ẨN**

**I. Mục tiêu:**

***Qua bài này giúp HS:***

1. ***Kiến thức***

- Phát biều được khái niệm phương trình bậc nhất hai ẩn và nghiệm của nó. Nêu được tập nghiệm của một phương trình bậc nhất hai ẩn và biểu diễn hình học của nó.

- Tìm được công thức nghiệm tổng quát và vẽ được đường biểu diễn tập nghiệm của một phương trình bậc nhất hai ẩn.

- Phát hiện được công thức nghiệm tổng quát của phương trình bậc nhất hai ẩn.

1. ***Kỹ năng***

* Tính được số gà, chó trong bài toán cổ.
* Biểu diễn chính xác nghiệm của phương trình bậc nhất hai ẩn trên mặt phẳng tọa độ.
* Viết được nghiệm tổng quát của phương trình bậc nhất hai ẩn.

1. ***Thái độ***

- Nghiêm túc và hứng thú học tập.

- Yêu thích môn học.

***4. Định hướng năng lực***

- Năng lực tính toán

- Năng lực giải quyết vấn đề

- Năng lực hợp tác.

- Năng lực ngôn ngữ

- Năng lực giao tiếp.

- Năng lực tự học.

Phẩm chất: Tự lập, tự tin.

**II. Chuẩn bị:**

- Gv : Thước thẳng, bảng phụ, phấn mầu.

- Hs : Thước thẳng, ôn tập kiến thức.

**III. Tiến trình dạy học:**

**1.Ổn định** (1 phút)

**2.Kiểm tra bài cũ** (Kết hợp trong giờ dạy)

**3.Bài mới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV | HOẠT ĐỘNG CỦA HS | NỘI DUNG |
| ***A - Hoạt động khởi động (2 phút)***  - ***Mục tiêu:*** HS gọi được ẩn phụ và biểu diễn các phương trình theo dữ kiện đề bài cho, phát hiện được ví dụ về phương trình bậc nhất hai ẩn.  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, vấn đáp. | | |
| Chúng ta đã được học về phương trình bậc nhất một ẩn. Trong thực tế còn có các tình huống dẫn đến phương trình có nhiều hơn một ẩn, như phương trình bậc nhất hai ẩn. Ví dụ trong bài toán cổ “Vừa gà vừa chó”. Nếu ta ký hiệu số gà là x, số chó là y thì giả thiết có 36 con vừa gà vừa chó suy ra x + y = 36. giả thiết có 100 chân cả gà và chó suy ra 2x + 4y = 100. Đó là các ví dụ về phương trình bậc nhất hai ẩn. Trong chương chúng ta sẽ học các nội dung như:   * Phương trình và hệ phương trình bậc nhất hai ẩn. * Các cách giải hệ phương trình. * Giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình. | | |
| ***B - Hoạt động hình thành kiến thức – 36 phút.***  ***Khái niệm về phương trình bậc nhất hai ẩn***  - ***Mục tiêu:*** Hs nắm được khái niệm về phương trình bậc nhất hai ẩn và tập nghiệm của pt bậc nhất hai ẩn, biết cách biểu diễn tập nghiệm bằng hình vẽ  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, vấn đáp. | | |
| **\*Mục tiêu:**  **\* Giao nhiệm vụ:** Làm các bài tập ?1,?2 và các ví dụ  **\*Hình thức tổ chức:** Hoạt động cá nhân  **\*Tiến hành hoạt động:**  Ta thấy x+y=36; 2x+4y=100 là các ví dụ về phương trình bậc nhất hai ẩn.  - gv giới thiệu định nghĩa  (Như phần Nội dung)  Cách nói khác: Là hệ thức có dạng ax + by = c trong đó a; b; c là các hệ số a và b không đồng thời bằng 0  **NV1:** Hãy lấy ví dụ về phương trình bậc nhất hai ẩn  **NV2:** Củng cố: Trong các phương trình sau, pt nào là pt bậc nhất hai ẩn? xác định các hệ số a,b,c tương ứng.  a) 4x-0,5y=0 b) 3x2+x=5  c) 0x-3y=0 d) 2x-0y=0  e) 0x+0y=2 f) 2x+y-z=3  Gv: Xét phương trình x+y=36. Ta thấy x=2; y=34 thì giá trị của vế trái bằng vế phải. Ta nói cặp số x=2; y=34 hay cặp số (2;34) là một nghiệm của phương trình  Gv giới thiệu nghiệm của pt bậc nhất hai ẩn.  **NV3:** ? Có kết luận gì về số nghiệm của pt bậc nhất hai ẩn  Ví dụ 2: Chứng tỏ cặp số (3;5) là một nghiệm của phương trình 2x – y = 1  Gv nêu chú ý sgk  Yêu cầu hsinh trả lời ?1; ?2  Hãy nêu nhận xét về số nghiệm của phương trình  2x – y = 1  Gv đưa ra công thức ngh TQ của ?2 | Học sinh chú ý lắng nghe, ghi nhớ.  Hs nhắc lại đ/n  Ví dụ: Học sinh tự nêu.  +, a; c; d là các pt bậc nhất 2 ẩn  a) a = 4; b = -0,5; c= 0  c) a = 0; b = -3; c= 0.  d) a = 2; b = 0; c= 0.  +, b; e; f không là pt bậc nhất 2 ẩn  hs ghi nhớ  PT bậc nhất 2 ẩn có vô số nghiệm  Học sinh phát biểu nhận xét. | 1. **Khái niệm về phương trình bậc nhất hai ẩn.**  **+Tổng quát:** ***Phương trình bậc nhất hai ẩn x, y là hệ thức có dạng: ax + by = c (1)***  ***Trong đó a, b, c là các số đã biết và a#0 hoặc b#0***  Ví dụ: 3x + 2y = 6  0x-3y=7  x+y=-3  +; thỏa mãn  suy ra (x0; y0) là nghiệm của pt bậc nhất hai ẩn  + Pt bậc nhất hai ẩn có vô số nghiệm. Mỗi nghiệm (x0; y0) được biểu diễn bởi 1 điểm trên mặt phẳng tọa độ.  ?1: Cặp số (1;1) cũng là một nghiệm của phương trình 2x–y=1  tương tự (0,5; 0) cũng là nghiệm của phương trình  b) Các nghiệm khác như (0; - 1) ; (2;3) ………..  Phương trình 2x – y = 1 có vô số nghiệm mỗi nghiệm là một cặp số |
| **Tập nghiệm của phương trình bậc nhất hai ẩn**  - ***Mục tiêu:*** HS phát hiện được trong mặt phẳng tọa độ, tập hợp các điểm biểu diễn nghiệm của phương trình bậc nhất hai ẩn là 1 đường thẳng.  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, vấn đáp. | | |
| ***(Hoạt động cá nhân)***  Ta đã biết phương trình bậc nhất hai ẩn có vô số nghiệm, vậy làm thế nào để biểu diễn nghiệm của phương trình?  Gv giới thiệu cách biểu diễn nghiệm của pt 2x-y=1  Trong mặt phẳng toạ độ Oxy tập hợp các nghiệm được biểu diễn các nghiệm của phương trình (2) là đường thẳng y=2x-1 ( gv treo bảng phụ vẽ sẵn hình 1 )  **Xét PT: 0x +2y = 4 (4)**  +Hãy chỉ ra vài nghiệm PT(4)? Vậy nghiệm TQ của (4)?  +Yêu cầu HS biểu diễn nghiệm TQ của PT (4)  **Xét PT:4x+0y=6 (5)**  +Hãy chỉ ra vài nghiệm PT(5)? Vậy nghiệm TQ của (5)?  +Yêu cầu HS biểu diễn nghiệm TQ của PT (5)  Cho các phương trình sau:  0x + 2y = 0  0x + y = 0  4x + 0y = 6  x + 0y = 0  ***(Hoạt động nhóm****)*  - Nêu nghiệm tổng quát các phương trình  - Đường thẳng biểu diễn tập hợp nghiệm của mỗi phương trình là đường thẳng nào?  Treo bảng phụ ghi phần tổng quát SGK | Học sinh chú ý lắng nghe  Học sinh thực hiện câu hỏi 3? Một em lên bảng thực hiện .  Học sinh lên bảng vẽ đường thẳng y = 2x – 1 trên hệ trục toạ độ.  HS trả lời  HS trả lời  Học sinh hoạt động nhóm  Nửa lớp làm câu a,d  a)  d)  Nửa còn lại làm câu b,c  b)  c)  Học sinh treo kết quả hoạt động nhóm lên bảng. | **2) Tập nghiệm của phương trình bậc nhất hai ẩn.**  +Xét phương trình : 2x – y = 1  CT NTQ: (x; 2x-1) hoặc viết    O  -1  1    x  y  - Tập nghiệm  S={x; 2x-1/xR}  - Trên mặt phẳng tọa độ  là đường thẳng y=2x-1  + Xét phương trình 0x+2y =4  Ta nhận thấy phương trình có nghiệm với mọi x và y=2 nên ta có nghiệm tổng quát của phương trình là (x; 2 )  hay  Đồ thị    + Xét phương trình 4x+0y =6  Ta nhận thấy phương trình có nghiệm với mọi x và x=1,5 nên ta có nghiệm tổng quát của phương trình là (1,5; y)  hay  Đồ thị:    Tổng quát: ( SGK) |
| ***C - Hoạt động luyện tập – 5 phút***  O  -1  1    x  y  y  ***Mục tiêu:*** *Củng cố lại kiến thức đã học trong bài*  ***PP:*** *Vấn đáp, thuyết trình.* | | |
| Phương trình bậc nhất hai ẩn là gì? Nghiệm của phương trình bậc nhất hai ẩn? Có bao nhiêu nghiệm số?  Cho học sinh làm bài 2a; sgk | Một học sinh trả lời  Học sinh khác nhận xét bài làm của bạn  Một học sinh vẽ đường thẳng |  |
| ***D – Tìm tòi, mở rộng – 1 phút***  - ***Mục tiêu:*** - HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học.  - HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu tri thức sẽ học trong buổi sau.  ***- Kĩ thuật sử dụng:*** Kĩ thuật viết tích cực | | |
| - Học bài  - Làm BTVN bài 1,2,3 SGK, SBT. Đọc mục có thể em chưa biết. trang 8 | | |

|  |  |
| --- | --- |
| *Ngày soạn:..................*  *Ngày dạy:...................* |  |

**Tiết 31. HỆ HAI PHƯƠNG TRÌNH BẬC NHẤT HAI ẨN SỐ**

**I. Mục tiêu:**

***Qua bài này giúp HS:***

1. ***Kiến thức***

- Nêu được khái niệm về hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn và nghiệm của nó. Xác định được tập nghiệm của hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn và biểu diễn hình học được tập nghiệm đó.

- Xác định được mối quan hệ giữa số nghiệm của một hệ phương trình bậc nhất 2 ẩn và số giao điểm của đồ thị hai hàm bậc nhất.

- Biến đổi tương đương được hệ phương trình.

1. ***Kỹ năng***

* Biết cách tìm công thức nghiệm tổng quát và vẽ đường biểu diễn tập nghiệm của một phương trình bậc nhất hai ẩn.
* Rèn kĩ năng chính xác, kĩ năng trình bày khoa học bài toán.

1. ***Thái độ***

- Nghiêm túc và hứng thú học tập.

- Yêu thích môn học.

***4. Định hướng năng lực***

- Năng lực tính toán

- Năng lực giải quyết vấn đề

- Năng lực hợp tác.

- Năng lực ngôn ngữ

- Năng lực giao tiếp.

- Năng lực tự học.

Phẩm chất: Tự tin, tự chủ.

**II. Chuẩn bị:**

- Gv : Thước thẳng, bảng phụ, phấn mầu.

- Hs : Thước thẳng, ôn tập kiến thức.

**III. Tiến trình dạy học:**

**1.Ổn định** (1 phút)

**2.Kiểm tra bài cũ** (Kết hợp trong giờ dạy)

**3.Bài mới**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV | HOẠT ĐỘNG CỦA HS | | NỘI DUNG |
| ***A - Kiểm tra bài cũ và khởi động – 8p***  - ***Mục tiêu:*** HS làm được kiểm tra cặp số có phải là nghiệm của phương trình.  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, vấn đáp. | | | |
| HS1: Nêu kn pt bậc nhất hai ẩn, Lấy ví dụ minh hoạ và viết nghiệm TQ của pt đó.  HS2: Cho hai phương trình  và , kiểm tra xem cặp (x;y)=(2;-1) có phải nghiệm của mỗi phương trình trên không?  Giáo viên nhận xét cho điểm.  GV: Trong bài tập trên hai phương trình 2x + y = 3 và x-2y=4 có cặp số (2;-1) vừa là nghiệm của pt thứ nhất; vừa là nghiệm của phương trình thứ hai. Ta nói rằng cặp số (2; 1) là một nghiệm của hệ phương trình    Vậy hệ phương trình là gì? Ta nghiên cứu bài mới | 2 HS lên bảng kiểm tra  Học sinh dưới lớp nhận xét bài làm của bạn | | HS 2:  Thay x = 2; y = -1 vào vế trái phương trình 2x + y = 3 ta được 2.2+(-1)=3=VP.  Thay x = 2; y = - 1 vào vế trái của phương trình x – 2y = 4 ta được  2 – 2.( - 1) = 4 = VP.  Vậy cặp số (2; - 1) là nghiệm của hai phương trình đã cho. |
| ***B - Hoạt động hình thành kiến thức – 30p***  - ***Mục tiêu:*** HS nêu được khái niệm về hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn, nêu được khái niệm nghiệm của hệ phương trình bậc nhất hai ẩn số.  HS minh họa được tập nghiệm của hệ phương trình bậc nhất hai ẩn bằng hình vẽ  HS nêu được khái niệm hai phương trình tương đương, sử dụng tốt kí hiệu ⇔  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, vấn đáp. | | | |
| Trong biểu thức trên hai phương trình bậc nhất hai ẩn 2x+y=3 và x - 2y = 4 có cặp số (2; -1) vừa là nghiệm của phương trình thứ nhất vừa là nghiệm của phương trình thứ hai:  Ta nói cặp số (2; -1) là một nghiệm của hệ:    ? Em hiểu thế nào là hệ phương trình bậc nhất hai ẩn số?  ? Nghiệm của hệ là gì?  Gv yêu cầu hs đọc “ tổng quát” sgk | Một học sinh đọc phần tổng quát | | 1**. Khái niệm về hệ phương trình bậc nhất hai ẩn.**    Tổng quát: Cho hệ pt bậc nhất hai ẩn  (I)  - Nếu 2 pt có ngh chung (x0; y0) thì x0; y0 là ngh của hệ (I)  - Nếu 2 pt không có nghiệm chung ta nói hệ (I) vô nghiệm  - Giải hệ pt là tìm tất cả các ngh của nó. |
| Cho HS làm ?2.  ***(Hoạt động cá nhân)***  Giới thiệu mối liên hệ giữa nghiệm của hệ phương trình với giao điểm chung của hai đường thẳng  *- Để xét xem một hệ phương trình có thể có bao nhiêu nghiệm, ta xét các ví dụ sau:*  *VD1*  *VD2; (như ND)*  *Giáo viên đưa ví dụ lên bảng và yêu cầu : Hãy biến đổi các phương trình trên về dạng hàm số bậc nhất, rồi xét xem hai đường thẳng có vị trí tương đối thế**nào với nhau*  Ví dụ 3: Hệ có bao nhiêu nghiệm?    *? Vậy có thể nhận biết được số nghiệm của một hệ pt bậc nhất hai ẩn qua vị trí tương đối của hai đt ứng với 2 pt của hệ như thế nào?* | Làm ?2  *Một học sinh lên bảng thực hiện*        *HS: Hệ có Vô số nghiệm vì 2 đường thẳng trùng nhau*  *Một học sinh phát biểu , các học sinh khác bổ sung.* | | **2.Minh hoạ hình học tập nghiệm của hệ phương trình bậc nhất hai ẩn**  Tập nghiệm của hệ (I) được biểu diễn bởi tập hợp các điểm chung của hai đường thẳng có phương trình là hai phương trình của hệ  *Ví dụ 1: Xét hệ phương trình*      *hai đường thẳng này có* *nên chúng cắt nhau. Giao điểm của hai đường thẳng là M(2; 1) là nghiệm duy nhất của hệ*  *Ví dụ 2: Xét hệ phương trình*    *(3)*  *y = 3/2x + 3*  *(2)*  *y = 3/2x – 3/2*  *Hai đường thẳng có hệ số a = a’ nên chúng là hai đường thẳng song song hệ phương trình vô nghiệm*  *Tổng quát:*    *(d) cắt (d’)**hệ có 1 ngh dnhất*  *(d) trùng (d’)* *hệ có vô số ngh*  *(d) cắt (d’)* *hệ vô ngh.* |
| ***3. Hệ phương trình tương đương*** | | | |
| ?Thế nào là hai phương trình tương đương?  Tương tự như vậy thế nào là hai hệ phương trình tương đương?  Ký hiệu hai phương trình tương đương “ ⇔”  Lấy VD minh họa. | Hai phương trình được gọi là tương đương nếu chúng có cùng tập hợp nghiệm.  Nêu định nghĩa. | | ĐN: SGK - 11  Ví dụ: ⇔ |
| ***C - Hoạt động luyện tập – Vận dụng – 5p***  ***Mục tiêu:*** *Học sinh biết số nghiệm của hệ phương trình thông qua công thức của đồ thị hàm số*  ***PP:*** *Vấn đáp, thuyết trình* | | | |
| *Gv treo bảng phụ ghi đề bài* | | *HS trả lời miệng*  *1 hs lên bảng thực hiện* | *Bài 4-sgk*  *Bài 5-sgk* |
| ***D – Tìm tòi mở rộng – 1p***  - ***Mục tiêu:*** - HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học.  - HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu tri thức sẽ học trong buổi sau.  ***- Kĩ thuật sử dụng:*** Kĩ thuật viết tích cực | | | |
| + Nắm vững số nghiệm của hệ phương trình ứng với vị trí tương đối của hai đường thẳng  + Làm các bài tập 6;7, 9, 10 sgk  **Bài mới**  Đọc trước bài: “Giải hệ phương trình bằng phương pháp thế”  HS: Lăng nghe, ghi chép. | | | |

*Ngày soạn:..................*

*Ngày dạy:...................*

**Tiết 32 *:* GIẢI HỆ PHƯƠNG TRÌNH BẰNG PHƯƠNG PHÁP THẾ**

**I. Mục tiêu:**

***Qua bài này giúp HS:***

1. ***Kiến thức***

- Phát biểu được quy tắc thế, xác định được các bước giải hệ phương trình bằng phương pháp thế.

- Vận dụng được kiến thức để giải một số hệ phương trình bằng phương pháp thế.

1. ***Kỹ năng***

* Biết cách giải hệ phương trình bằng phương pháp thế.
* Rèn kĩ năng giải hệ, kĩ năng tính toán, kĩ năng biến đổi tương đương.

1. ***Thái độ***

- Nghiêm túc và hứng thú học tập.

- Yêu thích môn học.

***4. Định hướng năng lực***

- Năng lực tính toán

- Năng lực giải quyết vấn đề

- Năng lực hợp tác.

- Năng lực ngôn ngữ

- Năng lực giao tiếp.

- Năng lực tự học.

**Phẩm chất:** Tự tin, tự chủ

**II. Chuẩn bị:**

- Gv : Thước thẳng, bảng phụ, phấn mầu.

- Hs : Thước thẳng, ôn tập kiến thức.

**III. Tiến trình dạy học:**

**1.Ổn định** (1 phút)

**2.Kiểm tra bài cũ** (Kết hợp trong giờ dạy)

**3.Bài mới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV | HOẠT ĐỘNG CỦA HS | NỘI DUNG |
| ***A - Kiểm tra bài cũ và khởi động – 3p***  ***Mục tiêu:*** *Hs biết nghiệm của hệ phương trình*  ***PP****: Nêu vấn đề, vấn đáp* | | |
| 1, Đoán nhận nghiệm của hệ pt sau và giải thích vì sao?    ? (-13; -5) có phải là nghiệm của hệ phương trình trên không?  GV đặt vấn đề vào bài  Gv: Để giải hệ phương trình bậc nhất hai ẩn ta có phương pháp giải nào? Ta nghiên cứu bài học mới | | |
| ***B - Hình thành kiến thức – 12p***  ***\*Mục tiêu:*** Hs nắm được thế nào là quy tắc thế để giải hệ phương trình  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, vấn đáp.  ***\*Giao nhiệm vụ:*** Thực hiện ví dụ 1, ví dụ 2, ví dụ 3; ?1 | | |
| ***\*Hình thức hoạt động:*** Hđ cá nhân ***,*** hđ nhóm  ***\*Tiến hành hoạt động:***  ***(Hoạt động cá nhân)***  Gv hướng dẫn hs từng bước:  ? Hãy rút ẩn x từ pt thứ nhất của hệ ta được pt nào?  ? Thế biểu thức của ẩn vừa rút vào pt thứ hai của hệ ta được pt nào? Có thể giải được pt đó không?  ? Đã biết 1 giá trị của y làm thế nào để tìm được x  Vậy nghiệm của hệ là bao nhiêu?  Gv giới thiệu: Phương pháp giải hệ pt như trên gọi là phương pháp thế. (treo bảng phụ ghi sẵn quy tắc)  Gv treo bảng phụ cách trình bày bài giải ví dụ 1 vừa làm ở trên và giới thiệu lại quy tắc  ? Hãy nhắc lại các bước giải hệ pt bằng phương pháp thế  ? ở bước 1 ta cũng có thể biểu diễn y theo x. em nào có thể giải được | Ta được  (3)    Thế giá trị của y vào (3) ta được:  Vậy nghiệm của hệ là  (-5; -13)  Hs đọc hiểu quy tắc  Hs nhắc lại  Hs biểu diễn y theo x | **1. Quy tắc thế:** (sgk/13)  Ví dụ 1: Giải hệ phương trình    Giải  - Biểu diễn x theo y từ phương trình thứ nhất ta có:  (I) (II)  - Thế x=3y+2 vào pt kia ta có:        Vậy hệ (I) có một nghiệm duy nhất:  (-13;-5) |
| **C. Luyện tập – 20p**  **Mục tiêu:** biến đổi tương đương hệ phương trình và tìm được nghiệm của hệ phương trình.  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, vấn đáp, hoạt động nhóm. | | |
| Cho HS đọc ví dụ 2 trong 3 phút  **HS hoạt động nhóm ?1**  GV đưa bài giải mẫu lên bảng phụ.  GV kiểm tra bài làm của các nhóm và nhận xét    gv nêu chú ý.  gv treo bảng phụ ghi vd 3    Cho hs làm ?2 vào phiếu học tập.  Gv kiểm tra việc thực hiện của hs trên phiếu học tập  Gv chuẩn bị bảng phụ minh họa ?2  Cho hs làm ?3  Gv gọi hs nhận xét bài làm của bạn.  Gv nhận xét bài làm và giải thích lại vì sao hệ (IV) vô nghiệm  gv: Giải hệ bằng phương pháp thế hay bằng minh họa hình học đều cho ta một kết quả duy nhất | HS đọc ví dụ 2 trong 3 phút  **HS hoạt động nhóm**  Các nhóm báo cáo kết quả và nhận xét của nhau  HS đọc hiểu ví dụ 3  HS Làm bài ?2, vào phiếu học tập  Một HS đứng tại chỗ giải thích. ( hai đường thẳng trùng nhau)  Hai HS lên bảng thực hiện (1 HS minh họa, 1 hs giải)  HS dưới lớp nhận xét bài làm của bạn  HS đọc Tóm tắt cách giải SGK | **2. Áp dụng**  ***Ví dụ 2:*** SGK/14  ?1.      Vâỵ hệ có nghiệm duy nhất là (7;5)  **Chú ý:** Xem SGK/14  ***Ví dụ 3:*** Xem SGK/14  ?3      Ta thấy phương trình (\*) vô nghiệm  Vậy hệ đó vô nghiệm.  Minh họa bằng hình học:    Tóm tắt cách giải hệ phương trình bằng phương pháp thế: SGK/15 |
| ***C - Hoạt động Vận dụng – 7p***  ***Mục tiêu:*** HS vận dụng thành thạo quy tắc thế để giải hệ hai phương tình bậc nhất hai ẩn.  - ***Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, vấn đáp. | | |
| **\*Mục tiêu:** Hs biết vận dụng quy tắc thế vào giải hệ phương trình  **\*Giao nhiệm vụ:** Làm bài tập 12(SGK)  **\*Hình thức hoạt động:** Hoạt động nhóm (Mỗi nhóm làm 1 câu)  **\*Tiến hành hoạt động:**  a)    c)  -Gv yêu cầu các nhóm nhận xét lẫn nhau và tổng hợp , chốt lại vấn đề | | |
| ***E – Tìm tòi, mở rộng (1p)***  - ***Mục tiêu:*** - HS chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học.  - HS chuẩn bị bài mới giúp tiếp thu tri thức sẽ học trong buổi sau. | | |
| **+** Về nhà xem lại lý thuyết, làm các bài tập SGK  **+** Xem lại bài học, học thuộc khái niệm, nắm chắc cách giải hệ phương trình bằng phương pháp thế.  Làm bài tập ,13,14 , 15 sgk trang 15 chuẩn bị tiết sau : Luyện tập. | | |